

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa,
nâng cấp hồ Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 5052/UBND-THKH ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý;

Căn cứ Văn bản số 2469/SKHĐT-TH ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn một số nội dung về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 16837/UBND-KTTC ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình hồ đập, đề địa phương sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế 2022-2025;

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, với những nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn.

2. Nhóm công trình: Nhóm C.

3. Cấp quyết định đầu tư công trình: UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Địa điểm thực hiện: Xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư: 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng chẵn).

7. Nguồn vốn: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÔNG TRÌNH:

1. Sự cần thiết phải đầu tư:

Xã Hợp Tiến là một xã thuộc vùng bán sơn địa, nằm ở phía tây huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh hóa. Xã cách trung tâm huyện 7 km và cách thành phố Thanh hóa 26 km về phía Tây Nam. Phía Tây Bắc giáp xã Hợp Lý; phía Đông Bắc giáp xã Hợp Thành và xã Hợp Thắng; phía Đông Nam giáp xã Triệu Thành; phía Tây Nam giáp xã Cán Khê (huyện Như Thanh). Tổng diện tích đất tự nhiên là 656,97ha, trong đó diện tích đồi núi là 129,96ha; diện tích đất nông nghiệp là 274,39ha; diện tích cây chuyên dùng là 163,47ha; diện tích đất ở là 29,39ha. Dân số 1.066 hộ với 4.195 nhân khẩu, được chia thành 05 thôn. Đời sống nhân dân trong xã còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo vẫn còn, thu nhập chính của người dân phụ thuộc rất nhiều vào sản xuất nông nghiệp.

Hồ chứa nước Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho khoảng 25ha đất sản xuất nông nghiệp của xã Hợp Tiến. Hồ chứa được hình thành đã lâu, không được duy tu, cải tạo nên đến nay bị xuống cấp nghiêm trọng, không còn đảm bảo được an toàn cũng như đáp ứng yêu cầu cung cấp nước tưới của địa phương.

Hiện trạng tuyến đập là đập đất, chiều dài đập khoảng 190m. Mặt đập nhỏ, hẹp, B đập = (2,0÷4,0)m, mặt bằng đất chưa được gia cố. Mái đập có hệ số mái thấp $m=(1÷1,50)$, mái thượng, hạ lưu đập bị sạt lở, ở nhiều vị trí hình thành mái thẳng đứng. Phía cuối đập có tràn đất cũ đã bị vỡ, xói lở ở mặt và hạ lưu tràn. Cầu qua tràn nhỏ bằng bê tông đã bị gãy sập, làm mất kết nối giữa đường đỉnh đập và đường giao thông phía hữu. Cống hiện trạng là cống tròn, bị lún, lồng mang 2 bên, tuyến kênh chính dẫn nước sau cống là kênh đất, bị sạt lở, làm hạn chế rất nhiều khả năng cấp nước của công trình. Lồng hồ phạm vi trước cửa công tưới bị bùn đất, cây cỏ bồi lắng, cần được nạo vét, cải tạo để tăng khả năng trữ nước cũng như tận dụng hết được nguồn nước trong hồ vào mùa kiệt.

Hiện nay, tình hình biến đổi khí hậu ngày càng trở nên phức tạp. Các trận lũ diễn ra thường xuyên với mật độ và quy mô lớn hơn nhiều. Do đập hiện tại là đập đất, nhỏ, mái dốc, một số vị trí bị sạt trượt nên nguy cơ mất an toàn đập trong mùa mưa bão cao. Mặt khác lòng hồ đã bị bồi lắng do dòng chảy đến có chứa nhiều phù sa, tạp chất làm giảm dung tích tích nước của hồ. Cống lấy nước và kênh tưới bị hư hỏng, không còn đảm bảo nhiệm vụ cấp nước. Mặt khác nhân dân trong xã chủ yếu sinh sống dựa vào sản xuất nông nghiệp nên khó khăn về nước tưới làm năng suất cây trồng giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân địa phương.

Với hiện trạng công trình nêu trên, để đảm bảo an toàn hồ chứa, cũng như chủ động trong việc dẫn nước phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp của địa phương thì việc đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn là hết sức cần thiết.

2. Sự phù hợp của công trình với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

a) Sự phù hợp với quy hoạch:

Về mặt quy hoạch, chủ trương: Phù hợp với quy hoạch Vùng; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xã và phù hợp với quy hoạch phát triển ngành có liên quan như quy hoạch thủy lợi, quy hoạch giao thông...

- Phù hợp với “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020: đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 114/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009;

- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương giai đoạn 2021- 2025.

- Phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân trong vùng, góp phần ổn định tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh trật tự xã hội của địa phương.

- Phù hợp với thực tế yêu cầu về cải tạo các công trình thủy lợi trên địa bàn của toàn vùng, toàn huyện.

b) Sự phù hợp với kế hoạch đầu tư:

Phù hợp với chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo cơ chế quy định tại Công văn số 10791/UBND-THKH ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư:

Đảm bảo cung cấp nước tưới cho 25ha đất sản xuất nông nghiệp của xã Hợp Tiến. Nâng cao an toàn hồ chứa, góp phần ổn định, phát triển đời sống người dân, cải thiện giao thông nông thôn, môi trường sinh thái.

4. Quy mô đầu tư:

- Đập đất: Trên cơ sở mặt hiện trạng đắp tôn cao hoặc áp trúc bằng đất lu lèn chặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật $K \geq 0,95$ đảm bảo bề rộng mặt đập thiết kế; mái thượng lưu đập được gia cố bằng tám cấu kiện bê tông đúc sẵn (40x40x12)cm trong hệ khung dầm (dầm chân, dầm đỉnh và dầm dọc kè); mái hạ lưu được trồng cỏ và bố trí thiết bị thoát nước chân đập; mặt đập được gia cố bằng BTT M250 trên lớp ni lon tái sinh và lớp cấp phối đá dăm loại 2.

- Tràn xả lũ: Làm mới tràn thay thế tràn bằng đất bị hư hỏng, ngưỡng tràn có mặt cắt thực dụng chảy tự do, lõi bằng bê tông thường M200 mặt ngoài bọc BTCT M250. Tường tràn, dốc nước, bể tiêu năng bằng BTCT M250;

- Cổng lấy nước: Làm cổng mới thay thế cổng cũ bị hư hỏng; hình thức cổng ngầm chảy có áp. Thân cổng khẩu diện $\Phi 400$ mm; cửa vào cổng bố trí khe phai, dàn đóng mở và lắp lưới chắn rác;

- Kênh tưới sau cổng: Kiên cố hóa kênh bằng BTT M200,

- Đường thi công kết hợp quản lý vận hành: Hoàn trả và mở rộng tuyến đường bê tông hiện có của địa phương. Gia cố mặt đường bằng BTT M250, trên lớp ni lon tái sinh và lớp cấp phối đá dăm loại 2;

5. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn để thực hiện dự án:

a. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 9.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 7.402.411.500 đồng;
- Chi phí QLDA: 218.438.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 824.326.640 đồng;
- Chi phí khác: 126.252.923 đồng;
- Chi phí dự phòng: 428.571.000 đồng.

b. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

6. Thời gian thực hiện công trình: Năm 2022.

7. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế xã hội

7.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội:

Khu vực công trình nằm gần khu dân cư nên vấn đề bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết, trong quá trình thi công, phải thực hiện nghiêm túc theo biện pháp thi công được phê duyệt để ảnh hưởng ít nhất đến nguồn nước sông và sinh hoạt của nhân dân trong vùng phía hạ lưu sông.

Các hạng mục đầu tư của công trình không nhiều, nằm tập trung trên tuyến, thời gian thi công ngắn, nên các giải pháp phải đảm bảo các mục tiêu sau:

- Che chắn bụi, mùi hôi hám, tiếng ồn, tiếng động mạnh, bức xạ nhiệt phát sinh trong quá trình xây lắp, vận chuyển, bốc xếp nguyên vật liệu và hoạt động của xe máy thi công.

- Không phóng uế bừa bãi, xả các chất thải làm ô nhiễm nguồn nước, mặt đất và bầu không khí nói chung.

- Hạn chế đến mức thấp nhất hoa màu đang trồng trên bãi của nhân dân.

- Hoàn trả lại mặt bằng đối với khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, dọn dẹp các phế thải vật liệu, tháo dỡ lán trại, nhà kho, thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

7.2. Hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội:

- Hệ thống đầu mối hồ Vạn Thắng và tuyến kênh tưới khi hoàn thành sẽ góp phần rất lớn trong việc chủ động phục vụ tưới cho 25ha đất nông nghiệp, đảm bảo ổn định đời sống sản xuất của nhân dân trong vùng.

- Kết nối giữa các vùng phụ cận qua tuyến đường quản lý vận hành trên mặt đập. Góp phần đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân vào mùa mưa lũ.

- Công trình thực hiện sẽ làm thay đổi bộ mặt của khu vực, thúc đẩy mạnh mẽ

sự tăng trưởng kinh tế - xã hội trong khu vực.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện

8.1. Hình thức quản lý thực hiện:

- Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn;
- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới;
- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

8.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ đầu tư:

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:
 - + Đầu tư xây dựng theo nội dung dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt;
 - + Phối hợp với các cơ quan chức năng để thống nhất quản lý xây dựng theo đúng quy định của pháp luật;
 - + Sau khi đưa vào sử dụng có phương án quản lý hiệu quả, tiết kiệm.
- Quyền hạn của Chủ đầu tư:
 - + Được khiếu nại tố cáo khi bị người khác xâm phạm quyền quản lý dự án khi đang triển khai và sau khi đưa vào sử dụng;
 - + Có quyền yêu cầu các Chủ đầu tư khác thực hiện đảm bảo tiến độ của dự án, yêu cầu đình chỉ khi các nhà đầu tư khác làm sai quy định của pháp luật;
 - + Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

9. Kết luận và kiến nghị

Qua phân tích đánh giá nêu trên, việc đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn là hết sức cần thiết, nhằm nhằm đảm bảo cung cấp nước tưới chủ động cho 25 ha đất sản xuất nông nghiệp. Tạo điều kiện để nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Góp phần ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và trật tự an ninh xã hội trong vùng nói riêng và huyện Triệu Sơn nói chung.

UBND huyện Triệu Sơn kính trình UBND tỉnh Thanh Hóa và các sở ngành liên quan xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở Tài chính; Kế hoạch; NN và PTNT (để thẩm định);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phú Quốc

PHỤ LỤC TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Công trình: Sửa chữa, nâng cấp hồ Vạn Thắng, xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

						ĐVT: đồng
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng		6.729.465.000	672.946.500	7.402.411.500	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án	3,246%	218.438.434		218.438.000	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		749.999.123	71.145.147	824.326.091	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất,		220.000.000	22.000.000	242.000.000	
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%	6.600.000	660.000	7.260.000	
3.3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,910%	263.131.843	26.313.184	289.445.028	
3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,361%	24.293.369	2.429.337	26.722.706	
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,598%	174.831.501	17.483.150	192.314.651	
3.6	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4,072%	8.958.400	895.840	9.854.240	
3.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	3.364.733		3.364.733	
3.8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%	3.364.733		3.364.733	
	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	45.454.545	1.363.636	50.000.000	
5	Chi phí khác		119.254.280	6.998.644	126.252.923	Gk
5.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)	0,019%	1.604.583		1.604.583	
5.2	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	1,040%	69.986.436	6.998.644	76.985.080	
5.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	0,446%	37.663.260		37.663.260	
5.4	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Tạm tính	10.000.000		10.000.000	
6	Chi phí dự phòng				428.571.000	Gdp
6.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%			428.571.000	
	Tổng cộng		7.817.156.837	751.090.291	9.000.000.000	Gxdet
	Làm tròn				9.000.000.000	